

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Tác và bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Trương Minh Thiện – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 678/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn T, sinh năm 1987 nơi cư trú: Số D, ấp A, thị trấn A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Siêng T1, sinh năm 1992 nơi cư trú: Ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 9 năm 2024 và lời khai của nguyên đơn ông Ngô Văn T trình bày: Bà và bà Nguyễn Thị Siêng T1 tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 30/3/2011. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nên vợ chồng ly thân từ năm 2012 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, ông xin ly hôn bà T1.

Ông và bà T1 có 01 con chung Ngô Thị Lan A, sinh năm 2012 bà T1 đang nuôi dưỡng, đồng ý giao bà T1 tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi

con. Ông và bà T1 không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Siêng T1 vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không có mặt là vi phạm Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ông Ngô Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Siêng T1. Con chung Ngô Thị Lan A, sinh năm 2012 giao bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng; bà T1 không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú xã H, huyện P, tỉnh An Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông T và bà T1 tự nguyện đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 30/3/2011 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Ông T cho rằng có mâu thuẫn, vợ chồng không còn chung sống từ năm 2012 đến nay. Qua xác minh, bà Nguyễn Thị B là mẹ bà T1 thừa nhận vợ chồng ông T, bà T1 có mâu thuẫn, không còn chung sống với nhau từ khi sinh cháu Lan A.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Ông T và bà T1 ly thân một thời gian dài (hơn 12 năm) nhưng không còn thiện chí hàn gắn, điều này chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không còn đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, cho ông T được ly hôn bà T1.

[3] Về con chung: có 01 con chung Ngô Thị Lan A, sinh năm 2012 đang sống với bà T1. Ông T đồng ý giao bà T1 tiếp tục nuôi con chung, cháu T1 từ khi sinh ra đến nay bà T1 nuôi dưỡng, do đó Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T1 được tiếp tục nuôi con chung. Bà T1 không yêu cầu nên không buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà T1 không phải chịu án hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Văn T.

1. Về hôn nhân: Ông Ngô Văn T được ly hôn bà Nguyễn Thị Siêng T1.

2. Về con chung: Ngô Thị Lan A, sinh năm 2012 giao cho bà T1 được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà T1 không yêu cầu nên không buộc ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà T1 và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện ông T đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0011666 ngày 09 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Phú Tân.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã An Lạc Thôn, huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ